

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-PT  
Ngày: 31/3/2021  
*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hiền

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Hải Vinh  
Bà Trần Thị Hà

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:***  
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLPT-HNGĐ ngày 01/3/2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2021/HNGĐ-ST ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXPT- HNGĐ, ngày 08/3/2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Lệ T, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Tổ 9, ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

***- Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1991 (có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Nơi làm việc hiện nay: Công ty trách nhiệm hữu hạn Dương Anh L.

Trụ sở: KP 2, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Lệ T trình bày:*

Chị và anh D có được tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình chồng tại xã Đ, huyện Y. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D ham chơi, không tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm lo cho gia đình, chị khuyên giải nhiều lần nhưng anh D không thay đổi còn nhiều lần đánh đập chị; mặt khác anh D tính tình nóng nảy, hay gia trưởng, áp đặt và ghen tuông vô cớ nên vợ chồng chị thường xuyên xả ra cãi vã. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 01/2020, đến khoảng tháng 3 năm 2020 do hai bên gia đình hòa giải vợ chồng có về đoàn tụ được vài ngày nhưng vẫn tiếp tục cãi vã nặng nề nên lại tiếp tục sống ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay. Nay chị thấy vợ chồng không thể hàn gắn được, hôn nhân không hạnh phúc nên chị xin ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh ngày 24/3/2015 và cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 14/7/2017. Hiện cả hai con chung đang ở với bố mẹ chồng. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Ngọc Á và để anh D nuôi cháu Nguyễn Gia B, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:*

Anh và chị T có được tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau đó, vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh muốn chị T chuyển về gần nhà làm nhưng chị T không đồng ý lại còn tự ý bỏ đi ở trọ tại Công ty, anh có đến đón về và xin bố mẹ anh cho vợ chồng ở riêng. Tuy nhiên, vợ chồng ở riêng chưa được 01 tháng thì chị T lại đưa hai con nhỏ về sinh sống tại tỉnh Đồng Nai, anh có đi tìm và hòa giải thì vợ chồng đoàn tụ và chung sống cùng bố mẹ đẻ của chị T. Được một thời gian thì anh thấy điều kiện sống tại nhà bố mẹ chị T không tốt nên đưa hai con về cho bố mẹ đẻ anh chăm sóc, từ đó vợ chồng lại mâu thuẫn, chị T không chịu gặp anh, gọi điện thoại thì lại cãi nhau. Nay, chị T làm đơn xin ly hôn anh có nguyện vọng được đoàn tụ để cùng chăm lo cho con cái.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh ngày 24/3/2015 và cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 14/7/2017, trường hợp ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, nếu không được Tòa án chấp nhận thì anh xin được nuôi cháu Nguyễn Gia B.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/12/2020, bà Phùng Thị H là mẹ đẻ của anh D cung cấp:* Chị T và anh D chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do chị T ham chơi, đàn đúm bạn bè.

Với nội dung trên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2021/HNGĐ-ST ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y đã áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 1 Điều 227; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Lệ T:

- Về hôn nhân: chị Nguyễn Lệ T được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh ngày 24/3/2015 cho chị Nguyễn Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 14/7/2017 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T, anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

- Về tài sản, công nợ: Chị T, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tiền án phí: Chị Nguyễn Lệ T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai số AA/2018/0004503 ngày 26/10/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Y thu. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Ngày 04/02/2021 anh Nguyễn Văn D kháng cáo bản án sơ thẩm nói trên về phân ly hôn và nuôi con chung. Với lý do anh không chấp nhận ly hôn, anh và chị T chưa có thời gian hòa giải, giữa anh và chị T chưa đến mức phải ly hôn. Về việc nuôi con chung: Anh không đồng ý với việc giao con cho chị T, anh được biết tình trạng kinh tế và gia đình chị T không được tốt thời gian 8 tháng anh và gia đình nuôi dưỡng, chị T không chu cấp hay hỏi thăm hai cháu.

*Tại phiên tòa phúc thẩm*, nguyên đơn chị Nguyễn Lệ T có đơn xin vắng mặt giữ nguyên quan điểm trình bày và đồng ý bản án sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn D không rút đơn kháng cáo. Do vắng mặt chị T nên vụ án không thỏa thuận được.

Anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh kháng cáo bản án không đồng ý ly hôn và giao con cho chị T nuôi dưỡng, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm anh rút kháng cáo về quan hệ hôn nhân, anh đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung anh vẫn giữ nguyên kháng cáo không đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng. Với lý do: Trước đây chị T có đưa hai con về Bình Dương ở 6 tháng nhưng ở nhờ nhà anh trai, không ở nhà bố mẹ chị T, các con không được đi học, ăn uống không đầy đủ, không ai chăm lo, chị T bán hàng online đi từ sáng đến tối mới về thu nhập từ 120.000 đồng đến 130.000 đồng/ ngày, anh có khuyên chị T ra Bắc ở nhiều lần nhưng chị T không nghe, chị T không có đủ

điều kiện nuôi con. Hiện nay các con vẫn ở cùng anh và bố mẹ anh, các cháu được bố mẹ anh chăm sóc, anh đi làm ở Công ty Dương Anh L, tỉnh Bình Dương thu nhập từ 12 triệu đồng đến 15 triệu đồng/tháng, tuy đi làm xa nhưng tháng nào anh cũng về nhà khoảng 5-7 ngày để chăm sóc các con. Anh có đủ điều kiện hơn chị T để nuôi các con. Anh đề nghị giao hai con chung cho anh nuôi, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu về việc:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị T được ly hôn anh D vì lý do tại phiên tòa anh D rút kháng cáo về quan hệ hôn nhân và đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung: căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần giao con chung; Về án phí: Anh D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]. Về tố tụng:** Về việc vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Lệ T: chị T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

**[2]. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Lệ T và anh Nguyễn Văn D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị T khởi kiện xin ly hôn anh D. Bản án sơ thẩm xử cho chị T được ly hôn anh D. Anh D kháng cáo không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm anh D rút kháng cáo về quan hệ hôn nhân vì anh đồng ý ly hôn. Xét thấy việc rút kháng cáo của anh D là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên căn cứ khoản 3 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Nguyễn Văn D về phần quan hệ hôn nhân.

**[3]. Về nuôi con chung:** Vợ chồng chị T, anh D có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh ngày 24/3/2015 và cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 14/7/2017. Hiện cả hai con chung đang ở với anh D và ông bà nội là bố mẹ đẻ anh D. Bản án sơ thẩm giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh ngày 24/3/2015 cho chị Nguyễn Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày

14/7/2017 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T, anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D kháng cáo đề nghị được nuôi hai con chung. Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn D. Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm anh D trình bày: Chị T không có đủ điều kiện nuôi con, bán hàng online thu nhập từ 120.000 đồng đến 130.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, căn cứ Giấy xác nhận thu nhập của chị T tại Công ty Áo dài Kiều C có địa chỉ tại Tổ 8 ấp Thanh Thọ 3, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai cung cấp: hiện nay chị T là nhân viên của Công ty có mức thu nhập 7.500.000 đồng/tháng (Bút lục 32), có chỗ ở. Anh D trình bày hiện nay đang làm ở Công ty trách nhiệm hữu hạn Dương Anh L ở Bình Dương thu nhập từ 12 triệu đồng đến 15 triệu đồng/tháng nhưng không xuất trình tài liệu làm căn cứ chứng minh thu nhập của mình, mặt khác anh D đi làm xa nhà mỗi tháng chỉ về thăm nhà từ 5-7 ngày, các con chung hiện nay vẫn phải ở cùng bố mẹ anh và do bố mẹ anh chăm sóc. Nên bản án sơ thẩm căn cứ vào điều kiện thực tế của các bên để giao mỗi người nuôi một con chung là có căn cứ và đảm bảo quyền và lợi ích của con chung.

Từ nhận định phân tích trên. Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn D về phần giải quyết nuôi con chung của bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về nuôi con chung.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Nguyễn Văn D về phần quan hệ hôn nhân.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về nuôi con chung.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 1 Điều 148; Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

-Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh ngày 24/3/2015 cho chị Nguyễn Lê T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 14/7/2017 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T, anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai số AA/2018/0004645 ngày 04/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh D đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện Y;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã Đ, huyện Y;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS, THCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Hoàng Thị Thu Hiền**



